

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN M  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **34/2020/HNGĐ-ST**  
Ngày 12-6-2020  
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Việt Hằng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lâm Hữu Đoàn;

Bà Nguyễn Bé Bảy.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Mộng Chi, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Duy Lễ - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 331/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Hồng Thị N, sinh năm: 1991 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện M, tỉnh Cà Mau

***- Bị đơn:*** Anh Ngô Văn P, sinh năm: 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện M, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**-** Tại đơn khởi kiện ngày 19 tháng 11 năm 2019, các lời trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hồng Thị N trình bày:

Năm 2009 chị với anh Ngô Văn P tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện M, tỉnh Cà Mau. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 1 đứa con, nhưng thời gian gần đây vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong sinh hoạt dẫn tới cự cãi, không tôn trọng, nhường nhịn, giận dữ nhau thường xuyên, anh P không chăm lo cho gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và gay gắt không thể hàn gắn vợ chồng đã không

còn chung sống với nhau từ hơn 1 năm cho đến nay. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng với anh P không còn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Ngô Văn P.

Về con chung: vợ chồng có 1 con chung tên Ngô Hồng N1, sinh ngày 20/3/2011 hiện do chị nuôi dưỡng. Chị yêu cầu được nuôi con sau ly hôn, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận; Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Hồng Thị N vẫn giữ yêu cầu khởi kiện về ly hôn, nuôi con, đối với nghĩa vụ cấp dưỡng chị không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về việc chấp hành tố tụng của Thẩm phán, thư ký trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của đương sự: nguyên đơn đã chấp hành theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Năm 2009, chị N và anh P tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định nên quan hệ hôn nhân giữa anh P và chị N là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không hàn gắn được, vợ chồng đã không còn chung sống cùng nhau, chị N xác định tình cảm vợ chồng với anh P không còn và vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh P cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55, 56, 81, 82 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N. Về con chung tên Ngô Hồng N1, sinh năm 2011, hiện sống chung với chị N và có nguyện vọng sống với chị N sau ly hôn nên giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi, chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Tài sản chung: Không yêu cầu; nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa chị Hồng Thị N và anh Ngô Văn P được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn, nuôi con chung và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Ngô Văn P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 288 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt anh P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồng Thị N và anh Ngô Văn P tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P,

huyện M, tỉnh Cà Mau theo quy định nên quan hệ hôn nhân của chị Hồng Thị N và anh Ngô Văn P là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống giữa vợ chồng chị Hồng Thị N và anh Ngô Văn P xảy ra mâu thuẫn. Đối với các yêu cầu của chị N, anh P đã nhận văn bản tố tụng nhưng không tham gia hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa, không có ý kiến đối với các yêu cầu của chị N. Tại phiên tòa, chị N xác định vợ chồng không còn chung sống cùng nhau, tình cảm vợ chồng đối với anh P không còn và vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh P.

Theo Điều 19 Luật hôn nhân gia đình quy định vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau cha mẹ, thực hiện các công việc trong gia đình ... và cùng chung sống với nhau ...

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N với anh P đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn chung sống với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hồng Thị N với anh Ngô Văn P.

Về con chung: Tên Ngô Hồng N1, sinh ngày 20/3/2011 hiện do chị N nuôi dưỡng. Đối với yêu cầu nuôi con của chị N, anh P không có ý kiến, chị N yêu cầu được nuôi con sau ly hôn. Xét con chung **trên 7 tuổi dưới 18 tuổi và có ý kiến nguyện vọng sống với chị N khi chị N và anh P ly hôn**, do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị N, giao con chung tên Ngô Hồng N1, sinh ngày 20/3/2011 cho chị Hồng Thị N tiếp tục nuôi dưỡng. Anh P có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: chị N không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung: Chị N xác định tự thỏa thuận không yêu cầu nên không xem xét. Nợ chung: Chị N xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm chị Hồng Thị N phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồng Thị N được ly hôn với anh Ngô Văn P.

- Về con chung: Giao con chung tên Ngô Hồng N1, sinh ngày 20/3/2011 cho chị Hồng Thị N tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Ngô Văn P có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: **Không yêu cầu nên không xem xét.**

- Tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét. Nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm chị Hồng Thị N phải chịu 300.000 đồng, chị Hồng Thị N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0004696 ngày 02/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí, chị Hồng Thị N đã nộp xong.

- Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- UBND nơi thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Việt Hằng**